TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 211 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-06- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thạch Út

2/ Bà Mai Hồng Thắm

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: không tham gia

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp H, TT A, huyện C, An Giang.

2.*Bị đơn*: Ông Trần Minh Đ, sinh năm: 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp H, TT A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 28/04/2020, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh Đ kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống với cha mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc làm ăn, tiền bạc, nợ nần, bất

đồng trong giải quyết nội bộ gia đình, áp lực cuộc sống khó khăn ngày càng đè nặng, kéo dài thời gian, chị không chịu đựng được nữa. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau, vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Đ.

- Về con chung: có 01(một) con chung tên: Trần Mộng Như N , sinh ngày 28/02/2014. Hiện cháu N đang sống với bà T. Sau ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu N, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh Đ**:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Minh Đ vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của ông Đ , tại bản tự khai ngày 15/6/2020 ông Đ trình bày: Về hôn nhân: Ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung: anh đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Trần Minh Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên ông Đcó đơn xin vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử và bà Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh Đ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Bà và ông Trần Minh Đ kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn bà T trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống với cha mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc làm ăn, tiền bạc, nợ nần, bất đồng trong giải quyết nội bộ gia đình, áp lực cuộc sống khó khăn ngày càng đè nặng, kéo dài thời gian, chị không chịu đựng được nữa. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa, vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Tại

bản tự khai của ông Đ ngày 15/6/2020 ông cũng không có ý kiến gì về nguyên nhân mâu thuẫn ly hôn, trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là bà vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của bà T và ông Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: có 01 con chung là Trần Mộng Như N , sinh ngày 28/02/2014. Hiện cháu N đang sống với bà T. Sau ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu Ngọc, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N từ nhỏ đến nay cháu sống với bà T, được bà chăm sóc cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để bà T nuôi dưỡng cháu là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Đ được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này**.**

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Bà Trần Thị Thu T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Bà Trần Thị Thu T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên**,***

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Trần Thị Thu T. Cho ly hôn giữa Bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 125 /KH, ngày 05/08/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Mộng Như N, sinh ngày 28/02/2014. Ông Trần Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Đ được quyền tới lui chăm sóc cháu Ngọc, không ai được cản trở khi ông thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Trần Thị Thu T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006930 ngày 27/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung